TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-03-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Ông Thái Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1352/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Long Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: đường X, tổ Y, ấp Ph, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1972; địa chỉ: đường X, tổ Y, ấp Ph, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Đặng Long Đ trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bị đơn nhiều lần chơi cờ bạc bị nguyên đơn bắt gặp, nguyên đơn đã hết lời can ngăn nhưng bị đơn không thay đổi, bị đơn không biết quan tâm vun vén cho gia

đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, việc cãi vã xảy ra thường xuyên. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Đặng Ngọc T, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1998 và Đặng Bảo N, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2000. Cả hai con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Bị đơn thống nhất với lời khai của nguyên đơn về việc kết hôn, con chung và mâu thuẫn gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do nguyên đơn đi làm nhưng không mang tiền về cho bị đơn nuôi con, gần đây nguyên đơn còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Nhưng do còn tình cảm với nguyên đơn nên bị đơn không đồng ý ly hôn. Bị đơn chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện nguyên đơn phải ký giấy tặng cho các con chung căn nhà cấp 4 địa chỉ: đường X, tổ Y, ấp Ph, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do hai vợ chồng xây dựng trên phần đất cha mẹ nguyên đơn tặng cho nguyên đơn nhưng chưa được tách sổ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1.Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc ông Đặng Long Đ yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 8 năm 2007 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Long Đ và bà Phạm Thị D là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên nguyên đơn và bị đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cho rằng không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày, đồng ý ly hôn với điều kiện nguyên đơn ký giấy tặng cho các con chung căn nhà cấp 4 tại địa chỉ: đường X, tổ Y, ấp Ph, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do hai vợ chồng xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Hơn nữa Tòa án đã hai lần triệu tập bị đơn đến tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ bị đơn không còn tình cảm với nguyên đơn, các đương sự không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm sống. Các bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 268, quyển số 2/98 ngày 15/08/1998 và bản sao Giấy khai sinh số 90, quyển số 01/2000 ngày 06/03/2000 của Ủy ban nhân dân phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Đặng Ngọc T, sinh ngày 28 tháng 07năm 1998 và Đặng Bảo N, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2000. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Long Đ được ly hôn với bà Phạm Thị D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 8 năm 2007 hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Đặng Long Đ và bà Phạm Thị D có 02 con chung tên Đặng Ngọc T, sinh ngày 28/7/1998 và Đặng Bảo N, sinh ngày 14/02/2000. Các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 ông Đặng Long Đ phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0019816 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đặng Long Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoài